



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH Đức HOA
Last Middle First

Current Address: 206/1 Su' van Hauk P. 2. Q10. HCM city

Date of Birth: 1941 Place of Birth: Phan Thiết

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 5/75 To 5/82
Years: 7 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

TÊN: **PHU BINH THUAN**

Trung Tâm Kỹ Thuật/Binh Thuận

Số PKSL / 03 /

THẺ LÃNH LƯƠNG



28

Họ và tên: **PHU BINH THUAN**

Số quân (B số): **61/405.980**

Cấp bậc: **Trung Úy**

KBC: **6131** ngày **01** tháng **01** năm **1974**

Thẩm tra: **PHAM DUY XUYEN**

Viết: **Tai Chánh**

Chữ ký: *[Signature]*

[Large signature]

Tháng	Số tiền đã phát.	Chữ.ký PHV	Tháng	Số tiền đã phát	Chữ.ký PHV
1	27250		7	34750	
2	25250		8		
3	24250		9		
4	22450		10		
5	06350		11		
6	22750		12	35050	

GHI CHÚ: Mọi sự thiếu nợ phải xuất trình thẻ lãnh lương này



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **260200081**

Họ tên: **VÕ THỊ SƠN**

Sinh ngày: **20-8-1948**

Nguyên quán: **Phan rí cửa,
Bắc bình, Thuận hải**

Nơi thường trú: **Khu 4, Phan rí
cửa, Bắc bình, Thuận hải**



Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chân cách 2,40
trên trước đầu lớn
mày phải

Nơi 23 tháng 1 năm 1979



TRƯỞNG TY CÔNG AN

TRƯỞNG TY

Huỳnh

HUỶNH ĐẮC HOÀ



VÕ THỊ SƠN



HUỶNH THỊ MAI TRÂM



HUỶNH ĐẮC THẮNG



HUỶNH ĐẮC THANH

BỘ NỘI VỤ

CONG HOA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Trại cải tạo số 3
Số: 123/VP.

00037808562

GIẤY RA TRẠI

Thi hành án văn, quyết định tha số 160 ngày 30/3/1982
của: Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây:

Họ tên khai sinh: Huỳnh đức Hóa

Bí danh: Hồng Sơn

Năm sinh: 1941

Nơi sinh: Phan Thiết

Nơi ĐKNKTT trước khi bắt: Châu thành, Phan Thiết, Bình thuận
Thuận Hải

Cán tội: đại úy tiểu đoàn phó

Ngày bắt: 2/5/75

án phạt: 3TTCT

Nay về cư trú tại: Châu thành, Phan thiết, Bình thuận, Thuận Hải

- Nhận xét quá trình cải tạo:

- Tư tưởng: an tâm cải tạo tin tưởng vào đường lối của đảng
- Lao động: đảm bảo ngày công, hoàn thành mức khoán được giao
- Học tập: tham gia đều, tiếp thu được
- Nội quy: chấp hành khá

Lưu tay nguyên tờ phải
của: Hòa

Người được cấp giấy

Ngày 6 tháng 5 năm 1982
GIAM PHỤ.

Danh bạ: 7120

Lập tại: Quân pháp

luke

Trung tá: /-/oàng-Tuất.

Trần Đình

*Thị trấn Tân có trình diện
tại cơ quan, ngày 24.5.82*

Thị trấn Tân ngày 25.5.82

phần cơ quan

luke

Li Thanh Khon

Số: 603 / TM / ND.-

.....

ĐIỀU I :- Nay tháng-cấp ĐAI-ỦY THỰC-THU kế từ ngày 01.07.1974 các Sĩ-quan cấp Đại-Ủy nhiệm-chức CLQ và ĐPQ có tên sau đây đã được ghi danh vào bảng thăng-thưởng thường-niên 1974 :

BO - BINH . :

ĐIỀU 2 :- Tham-mu-~~Tr~~ư-~~ơ~~ng Bộ Tổng-tham-mu chiếu ~~nh~~ệ-m-vụ thi-hành Nghi-~~đ~~ịnh này. /-

KBC 40.02 ngày 30 tháng 07 năm 1974

Đại-Tướng CAO-VĂN-VIÊN

Tong-tham-mu-Truong **LUNCH** (In-ký)

Trích sao dưới số : 7860/TKBT/TQT/TT + QK ngày 06.09.1974 của TKBT

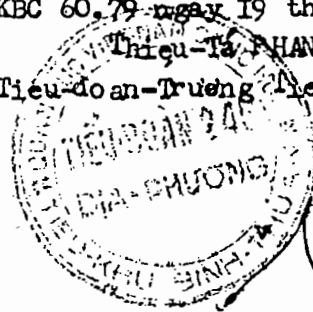
Noti-nhan :-

KBC 60.79 ngày 19 tháng 09 năm 1974

Thieu-Ta PHAN-SANG

Tiểu đoàn Trưởng Tiểu đoàn 249/Đ.P.

- Các SQ đương-sự
"Đề tùy hành"
- B. QS ÷ HSP/TĐ249/ĐP.
"Đề thả hành".
- Lưu chiếu. /-



Ho Chi Minh City, 7 august 1988.

THE AMERICAN EMBASSY
DIRECTOR OF THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
127 Panjathum Building, South Sathorn Road,
Bangkok 10120 THAILAND.

Subject: Application for immigration to the United States
of America under the Orderly Departure Program.

Dear Sir,

I, undersigned,	HUYNH DAC HOA
Date of birth	10 January 1941
Nationality:	Vietnamese
Sex	male
Before April 1975	
Rank:	Captain
Military number:	61/405980
Unit:	Battalion 249 Binh Thuan Province.
Time of reeducation:	from 2 May 1975 to 6 May 1982
Reeducation camp:	Camp 3 Nghe Tinh Province.
Current address:	To dan pho 3, Thi tran Phan Ri Cua Huyen Tuy phong, Thuan hai Province VN.
Mailing address:	003 lo F Chung cu An Quang, Quan 10 Ho Chi Minh City, Vietnam.

Copies of papers as evidences enclosed:

- Release certificate from Reeducation camp.
- Salary card.
- Our marriage certificate.
- 5 Birth certificates.
- RVNAF Service Certificates.
- 5 pictures of my family.

My family members to be helped for US immigration:

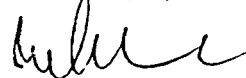
myself	HUYNH DAC HOA	born 10 January 1941
wife	VO THI SON	20 August 1948
daughter	HUYNH THI MAI TRAM	22 October 1974
son	HUYNH DAC THANG	1 September 1975
son	HUYNH DAC THANH	7 March 1988

All above members are living at: To dan pho 3, thi tran
Phan Ri Cua, huyen Tuy Phong, Thuan hai Province
Vietnam.

In the belief that you would help us as soon as possible, by
your opening of our file first, then please take any necessary
and appropriate steps to bring us to the USA under your further
intervention with the SRVN Government as well as with the
UNHCR in Vietnam.

We shall be very grateful if you will let us hear from you very
soon.

Very respectfully yours,



HUYNH DAC HOA.

BẢN TƯỚNG-MAO VÀ QUÂN-VU

Đơn-vị

TIEU-KHU BÌNH-THUAN

TIEU-HU.N 249/P.

(Loại C)

CỦA Đại-Uy/CLQ/TB HUYNH-DAC-HU

Số quân 61/45.980 - 24.0

Trích-lục theo Quân-bp, lý-lịch của đương-sự

NHÂN-DANG

Sinh ngày 10-01-1941 tại Bình-Hung
 Quận Ham-Thuan
 Tỉnh Bình-Thuan (S. 1941)
 Nghề-nghiep
 Con của Ông Huynh-Dac-Tich
 và Bà Vo-Thi-Lien
 Ngụ tại Hung-Long
 Quận Ham-Thuan
 Tỉnh Bình-Thuan
 Kết hôn ngày với cô Vo-Thi-Son
 Ngụ tại Hai-Tan
 Quận Hoa-Da Tỉnh Bình-Thuan
 Giấy phép kết hôn của

Tóc
 Mắt
 Trán
 Mũi
 Khuôn mặt

Cao: 1 thước

DẤU-TÍCH ĐẶC BIỆT

Nguyên lai binh nghiệp (1)

QUÂN-VU LIÊN-TIỆP

- Thanh-nien thuộc lớp tuổi 1961 được thau nhận theo học khoa 21 SVSQ/TB/TĐ.
- Trình diện tại TKBT ngày 21/9/65 công-vu kê từ ngày ay.
- Được tra về nguyên quân ngày 27-10-65 chờ nhập học khoa 22 SVSQTB. Chứng chỉ xuất ngũ số 05007/TNN2/TT, ngày 26-10-65. Đến Trường ngày 08-03-66.
- Đến trình diện tại TK/BT ngày 23-2-66 để theo học khoa 22/SQ/TB công-vu kê từ ngày trên. Được hưởng lương và phụ cấp lương bổng theo cấp bậc Trung-sĩ TB bậc I K/từ ngày 15-6-66 do QĐ số 1189/TBB/QH/KH, DI ngày 13-7-66 của Quân-Tướng CHT Trương R.-Binh. Man khoa trung tuyển được thăng cấp Chuẩn-Uy TB K/từ 09/12-66 do NĐ số 407/TM/NĐ, đề ngày 19/12/66 của Trung-Tướng Tống-Tham-Mưu-Trần QĐNCH.
- Thuyên chuyển ĐTQXD của QĐ.II K/từ ngày 16.12.66 do LTC số 11.885/TBB/TQT/KS, TC, đề ngày 12-12-66 của Thiếu-Tướng CHT, Trương BB. Xếp lên tăng số kiểm định khoa 22 SVSQ TB kê từ ngày trên.
- Thuyên chuyển đat TQXD Su-Đoàn 23, BB K/từ ngày 16-01-67 theo LTC số 1179, QĐII, TQT/NV, TCI ngày 27-01-67 của QĐ.II. Thuyên chuyển đến Trung-Đoàn 44 kê từ ngày 01-02-67 do LTC số 600, SQ23, TQT, BNI, đề ngày 10-2-67.
- Từ Tr.Đ. 44 thuyên chuyển đến Tr.Đ.3/44 công-vu K/từ ngày 16-3-67 do LTC số 3530, Tr.Đ.44/QTNV, TCI, ngày 14-3-67 của Tr.Đ.44 - Giữ chức-vu Trung-Đoàn-Trưởng k/t 16-3-67.

..... 02 .../-

(1) Ghi rõ nếu xuất thân ở các trường Võ-Bị sau đây: Sĩ-quan Phả-Lại, Tông, Huế, VBLQDL.

TBTD-VBĐP hãy ghi rõ được thăng cấp nếu không xuất thân ở các Quân-Trưởng bổ-túc.

MẤU

27.04.64 QĐ-46

06.66.TTALAP.O.108

TÒA SƠ-THẨM BÌNH-THUẬN

GIẤY THẺ VÌ KHAI-SANH

CỦA HUỖNH-ĐẮC-HOÀ

SỐ 25.924

NGÀY 04-12-1957

*



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ THẺ VÌ HỘ-TỊCH

Lưu-trữ tại Phòng Lục-Sự
TÒA SƠ-THẨM BÌNH-THUẬN

Một bản chính giấy thẻ vì KHAI-SANH
của HUỖNH-ĐẮC-HOÀ do Huỳnh-Đắc-Tịch xin cấp
đã được Ông Nguyễn-văn-Hồ Chánh Án
Tòa Sơ Thẩm Bình-Thuận có Lục-Sự Trương-quang-Hiền
phụ tá, lập ngày 04-12-1957 và đã trước bạ.

TRÍCH RA NHƯ SAU :

- 1) Phạm-trọng-Dại
- 2) Phạm-văn-Túy
- 3) Nguyễn-Long

Những người chứng này, sau khi nghe đọc điều 337 Hình Luật Trung
Phần, Sửa đổi bởi Dự số 37 ngày 30.5.45 Dự số 5 ngày 19.4.51 và những
văn kiện kế tiếp phạt tội làm chứng gian về việc Hộ, từ 3 tháng đến 1 năm
tù và phạt từ bạc 6.000\$ đến 24.000\$ đã tuyên thệ và khai quả quyết biết
chắc rằng :

HUỖNH-ĐẮC-HOÀ, sanh ngày Mười, tháng Một, năm
Một Ngàn Chín Trăm Bốn-mươi-Mốt (10-01-1941) tại Hộ Bình
Hưng, thị-xã Phan-Thiết, con ông Huỳnh-Đắc-Tịch và bà
Võ-thị-Liên, vợ cả ./)

Trước bạ tại Phan-Thiết

ngày 09-01-1958

Quyển 7 - Tr 5 - Số 15

Thầu

Trưởng Ty Trước-Bạ

Ký tên và đóng dấu

Lý do lập Chứng Thư Hộ Tịch: Sổ hộ-tịch nơi sanh quán bị
thất lạc vì biến cố chiến tranh.

TRÍCH Y BẢN CHÍNH

DH/6b

Phan-Thiết ngày 02 tháng 10 năm 1972

CHÁNH LỤC-SỰ



PHAN-VĂN-QUÊ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TÒA HÒA-GIẢI RỘNG QUYỀN
TỈNH BÌNH-THUẬN

Năm : 19 57
Số 3615



TRÍCH ĐÚNG THEO BỒN CHÁNH ĐỀ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ
TÒA HÒA GIẢI RỘNG QUYỀN BÌNH-THUẬN

CHỨNG-CHỈ THỂ VÌ KHAI-SANH

của Võ thị Sơn

Năm 1957 ngày 3 tháng 4 hồi 3 giờ,

Trước mặt chúng tôi là Nguyễn văn Thư Chánh-Án

Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền Tỉnh Bình-Thuận ngồi tại văn-phòng có Ông
Hoàng xuân Tường Lục-sự giúp việc ;

CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN :

- 1/ Mai Giốc
- 2/ Phạm văn Sấm
- 3/ Tăng Mẫn

Những nhân chứng trên đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc

Võ-thị-Sơn, gái, sanh ngày hai mươi, tháng tám,
năm một ngàn chín trăm bốn mươi tám (20 - 8 - 1948
tại Hải Tân, Hòa-Dà, tỉnh Bình-Thuận; là con ông Võ-
Phuông 44 tuổi, và bà Hồ thị Hợi 34 tuổi, vợ chánh ;

và duyên cớ mà y không thể xin sao lục KHAI SANH được là vì biến cố chiến
tranh, bản chính đã bị thất lạc. Mấy người chứng đã xác nhận như trên, nên chúng
tôi cấp chứng chỉ này để thay thế giấy KHAI SANH cho Võ thị Sơn

chiều theo điều 47 và 48 Hộ luật. Các người chứng đã cùng
chúng tôi và ông Lục-sự ký tên ra sau.

Ký tên :

Lục sao y,

Phan-Thiết, ngày 4 tháng 3 năm 196 6

CHÁNH LỤC-SỰ,

Đã trước bạ

tại Phan-thiết ngày 25/4/57

Quyển 5 tờ 63 số 370

LỆ-PHÍ MỖI BẢN SAO 5\$00

Nhà in NGỌC-DÂN - Phan-thiết



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Phạm Diću
Thị xã, Quận Tuy Phong
Thành phố, Tỉnh Thuận Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự Do Hạnh Phúc

MẪU SỐ : HT3/P2

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Số : 533
Quyển số : 8

Họ và tên	<u>HUỖNH ĐẮC THANH</u>		Nam, Nữ <u>M</u>
Sinh ngày, tháng, năm	<u>ngày bảy, tháng ba, năm một chín tám tám (07-3-1988)</u>		
Nơi sinh	<u>Bệnh Viện Từ Vũ</u> <u>Thành phố Hồ Chí Minh</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Huỳnh Đắc Hòa</u> <u>1941</u>	<u>Võ Thị Sơn</u> <u>1948</u>	
Dân tộc, Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm nước mắm</u>	<u>Làm nước mắm</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Đã dân phố 5 PRC</u>	<u>Đã DF 5 Phạm Diću</u>	
Họ tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Võ Thị Sơn 1948</u> <u>Đã dân phố 5 Thị trấn Phạm Diću</u> <u>Tuy Phong Thuận Hải</u> <u>CMND số 260200081</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

ngày 17 tháng 8 năm 1988

TM. U.B.N.D. _____ ký tên đóng dấu

KT/CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THỦ KÝ



NGÔ TÂN LINH

Đăng ký ngày 29 tháng 7 năm 1988

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

KT/CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THỦ KÝ

NGÔ TÂN LINH



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BÌNH-THUẬN

QUẬN THIÊN-GIÁO

XÃ (PHƯỜNG) HÒA-VĨNH

Số hiệu 02

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày 19 tháng 03 năm 1973

NHA IN VUI-VUI - PHAN-THIỆT

Tên họ chồng HUỖNH-ĐẮC-HÒA
Ngày và nơi sinh 10-01-1941, tại Hố Bình-hung, thị xã phan-thiết
Tên họ cha chồng Huỳnh-đắc-Tích
Tên họ mẹ chồng Võ-thị-Liên (chết)
Tên họ vợ Võ-thị-Son
Ngày và nơi sinh 20-08-1946, làng Hải-Tân, quận Hòa-đà, Bình-thuận
Tên họ cha vợ Võ-phương
Tên họ mẹ vợ Hồ-thị-Hội
Ngày lập hôn thú Ngày 19-03-1973
Có lập hôn khế không /

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Hòa-vĩnh ngày 03 tháng 1 năm 1974

XÃ-TRƯỞNG KIỂM-UY-VIÊN HỘ-TỊCH



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự Do Hạnh Phúc

Mẫu số : HT3/P2

Xã, Thị trấn Phan Rí Cầm
Thị xã, Quận Tuy Phong
Thành phố, Tỉnh Thừa ThiênBẢN SAO
GIẤY KHAI SINHSố : 532
Quyển số : 7

Họ và tên	<u>HUYỀN ĐẮC THẮNG</u>		Nam, Nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày, tháng, năm	<u>ngày một, tháng chín, năm một chín bảy mươi lăm (01.09.1975)</u>		
Nơi sinh	<u>Thị trấn Phan Rí Cầm</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Huỳnh Đắc Hòa</u> <u>1941</u>	<u>Võ thị Sơn</u> <u>1948</u>	
Dân tộc, Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp, Nơi ĐKNK thường trú	<u>kim nước mặn</u> <u>Tổ dân phố 5 PRC</u>	<u>kim nước mặn</u> <u>Tổ dân phố 5 PRC</u>	
Họ tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Võ thị Sơn</u> <u>1948</u> <u>Tổ dân phố 5</u> <u>thị trấn Phan Rí Cầm</u> <u>Tuy Phong</u> <u>Thừa Thiên</u> <u>CMND số: 2602.000.81</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

ngày 17 tháng 8 năm 19 88

TM. U.B.N.D. _____ ký tên đóng dấu

KT/CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THỦ KÝ

NGÔ TÂN LINH

Đăng ký ngày 29 tháng 7 năm 19 88

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

KT/CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THỦ KÝ

NGÔ TÂN LINH



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số: HT3/P2

Xã, Thị trấn Phan Rí Cầm

Độc lập, Tự Do Hạnh Phúc

Thị xã, Quận Tuğ phongThành phố, Tỉnh Thuan Hai

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số: 531Quyển số: 07

Họ và tên	<u>HOỖYUH THỊ MAI TRẦN</u>		Nam, Nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày, tháng, năm	<u>ngày hai mươi hai, tháng mười, một nghìn chín trăm bảy mươi bốn (22.10.1974)</u>		
Nơi sinh	<u>Thị trấn Phan Rí Cầm</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Huỳnh Đức Hòa</u> <u>1941</u>	<u>Võ Thị Sơn</u> <u>1948</u>	
Dân tộc, Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>làm nước mắm</u>	<u>làm nước mắm</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Tổ dân phố 5 PRC</u>	<u>Tổ dân phố 5 PRC</u>	
Họ tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	<u>Võ Thị Sơn</u> <u>1948</u> <u>Tổ dân phố 5 thị trấn Phan Rí Cầm</u> <u>Tuğ phong Thuan Hai</u> <u>CMND số: 260900081</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

ngày 17 tháng 8 năm 19 88

TM. U.B.N.D. _____ ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 29 tháng 7 năm 19 88

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

KT/CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THỦ KÝ

NGÔ TẤN LINH

KT/CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THỦ KÝ

NGÔ TẤN LINH



Việt nam ngày 8 Tháng 9 năm 1989

Lời giới : Giám đốc văn phòng ODP Hoa Kỳ.
Đích yêu : về việc xin di trú sang Hoa Kỳ
theo chương trình ODP.

- Thưa ông :
- Tôi tên Huỳnh - đại Hoa sinh ngày 10-01-1941
 - Quốc tịch Việt nam.
 - Trước tháng 4 năm 1975 tôi là quân nhân Trong quân đội Việt nam Cộng Hòa :
 - Cấp bậc : Đại úy : Số quân 61/405980.
 - Chức vụ : Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 249/DPQ
 - Tiểu khu Bình Thuận
 - Thời gian học tập cải tạo : 2-5-1975 đến 6-5-1982
 - tại trại cải tạo Số 8, Nghi Tinh, thị trấn Phan Ri.
 - Địa chỉ hiện tại : tổ dân phố 5, thị trấn Phan Ri của Huyện Tuy Phong, Tỉnh Thuận Hải.
 - Địa chỉ liên lạc thu-lữ : 003, tổ F, chung cư : An Quang, quân 10, TP: Hồ Chí Minh, VN.
 - Toàn thể gia đình tôi xin được di trú sang Hoa Kỳ gồm có :
 - Tôi : Huỳnh đại Hoa sinh ngày : 10-01-1941
 - Vợ : Võ Thị Sơn sinh ngày : 20-8-1948
 - Con gái : Huỳnh Thị Mai Trâm : - 22-10-1974
 - Con trai : Huỳnh đại Thắng - 01-9-1975
 - Con trai : Huỳnh đại Thanh 7-3-1988
- Tất cả tên nêu trên đều liên tại ở tổ dân phố 5, thị trấn Phan Ri của Huyện Tuy Phong. Tỉnh Thuận Hải - VN.

Kính xin Ông tận tình giúp đỡ cho
gia đình tôi, bằng cách liên lạc với
chính phủ Việt Nam hiện tại, thuận
cho gia đình tôi được di trú sang sinh
sống tại Hoa Kỳ theo chương Trình ODP.
Đó là nguyện vọng tuyệt tha nhất của
gia đình tôi.
Trước khi dứt lời. Xin Ông nhân với tay
lòng biết ơn chân thành của tôi.

Hồ Sơ đính kèm:

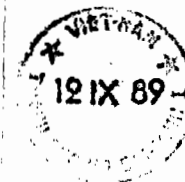
- 1 giấy ra Trại.
- 1 Nghị định thăng cấp
- 1 Tờng mas quân vụ
- 1 Thẻ lương
- 5 tờ khai sinh
- Hình gia đình
- 1 giấy c.M nhân dân.
- 1 Trích lục hôn thú
- 1 ~~tờ~~ Sổ chứng.

Melur

Huyệnh Dae Hoa

FR: HUỖNH ĐẮC HOÀ
206/1 SỰ AN HẠNH P.2 Q.10
TP HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM

MAY BAY
PAR AVION



VIỆT NAM
8:26920
PHU-CHINH
Số máy 7

R^A 2 4

TO: MISS. KHUC MINH THO
P.O. Box 5435. ARLINGTON
VA 22205-0635.

U.S.A.



ÁP BẢO
NHẬN

PAR AVION VIA AIR MAIL

129-26920⁺



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: PENDING

VEWL.#:

I-171# Y (NO)

EXIT VISA#: NO

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH DAC HOA
Last Middle First
(Mailing)
Current Address: No.003 Lot F, Chung Cu An Quang, 10th Dist., HoChiMinh, Vietnam
Date of Birth: Jan. 10th, 1941 Place of Birth: Phan Thiet, Vietnam
Previous Occupation (before 1975) Captain, Deputy Battalion Chief, Battalion 249
(Rank & Position) at Binh Thuan Province, Vietnam
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From May 2, 1975 To May 6, 1982
Years: 07 Months: 0 Days: 04
3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN TRUONG THI HUU HANH
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGUYEN TRUONG THI HUU HANH</u>	<u>NIECE</u>
<u>Address and phone as same as above</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 4/30/1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH DAC HOA

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1/ VO THI SON	8/20/1948	WIFE
2/ HUYNH THI MAI TRAM	10/22/1974	DAUGHTER
3/ HUYNH DAC THANG	9/1/1975	SON
4/ HUYNH DAC THANH	3/7/1988	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

Same as above

6. ADDITIONAL INFORMATION :

(Please see attachments)

Huu-Hanh Thi Trung Nguyen

Ministry of
Internal Affairs
Third Re-Education Camp
No. 127/VP

Socialist Republic of Vietnam
Independence-Liberty-Happiness

CAMP EXIT PERMIT

No. 00037808562

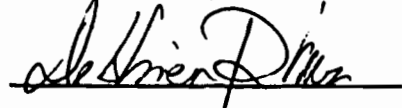
&&&&&&&&&

In compliance with decision # 160 dated March 30th, 1982 of the
Minister for Internal Affairs.

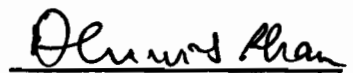
This is to grant release for the person named below:

Full name	:	HUYNH DAC HOA
Aka	:	Hong Son
Date of birth	:	Born 1941
Place of birth	:	Phan Thiet
Registered residence before re-education	:	Chau Thanh, Phan Thiet Binh Thuan, Thuan Hai
Charge	:	Captain, Deputy Battalion Commander
Date arrested	:	May 2nd, 1975
Residential location	:	Chau Thanh, Phan Thiet Binh Thuan, Thuan Hai
Comments on past performance	:	Thinking: Willing to be re-educated believe in the party's policy Work: Meet standard on work assigned Study: Participating, receiving progress. Discipline: Good
Finger prints	:	Hoa's Right index
I.D # 7120	:	
Registered at	:	Military Police
Name and signature of Permit holder	:	Signed: Illegible
		Date: May 6th, 1982
<u>Report:</u> HUYNH DAC HOA presented himself to the Sub-District Police Force on May 24, 1982 May 25th, 1982 Police Deputy: Signed & sealed: Le Thanh Khoa		Guard: Lieutenant Colonel Hoang Tuat (Signed & sealed)

I, Dennis Pham duly swear that I am fluent in both English and
Vietnamese and certify that the translation is true and correct
to the best of my knowledge. A copy of the Vietnamese original
should be attached for easy reference.



Notary Public
Dallas County, Texas
My commission expires: 12/10/1992



Dennis Pham
Translator

DICH VU SOI SANG
3603 Red Wolf Dr.
Mesquite, TX 75150
(214) 226-3806

BỘ NỘI VỤ

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Trại cải tạo số 3
Số: 123/VP.

00037808562

GIẤY RA TRẠI

Thi hành án văn, quyết định tha số 160 ngày 30/3/1982
của: Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây:

Họ tên khai sinh: Huỳnh đắc Hòa
Bi danh: Hồng Sơn
Năm sinh: 1941
Nơi sinh: Phan thiết
Nơi ĐKNKTT trước khi bắt: Châu thành, phan Thiết, Bình thuận
Thuận Hải
Cạn tội: đại úy tiểu đoàn phó
Ngày bắt: 2/5/75 án phạt: 3TTCT
Nay về cư trú tại: Châu thành, Phan thiết, Bình thuận, Thuận Hải
- Nhận xét quá trình cải tạo:
- Tư tưởng: an tâm cải tạo tin tưởng vào đường lối của đảng
- Lao động: đảm bảo ngày công, hoàn thành mức khoán được giao
- Học tập: tham gia đều, tiếp thu được
- Nội quy: chấp hành khá

Lên tay người trả giấy
của: Phan
Danh bạ: 7120
Lập tại: Quân pháp

Họ tên chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 6 tháng 5 năm 1982
GIAM TRỊ.

huynh

Trung tá: /-/oàng-Tuất.

Phạm Trình

Phạm Trình
Huỳnh đắc Hòa có triển di ẻ
bởi cơ pháp, ngày 24.5.82

Huỳnh đắc Hòa
ngày 25.5.82

Phạm Trình
Phạm Trình

Li Thanh Khương

AD HOC COMMITTEE FOR VIETNAMESE POLITICAL PRISONER

Date: April 30th, 1990

POLITICAL PRISONER BIOGRAPHICAL DATA

A. General Biography

1. Name: (Family name, middle, first) _____
HUYNH DAC HOA (Last, middle, first)
2. Sex: Male Date of birth: Jan. 10th, 1941
3. Place of birth: Phan Thiet, Vietnam
4. Religion: Buddhist Political party: None

B. Employment history before April 1975

1. Occupation: Captain
Sr. No. 61/405980 - 240.0
2. Last position/Rank, Agency/Unit: Captain, Deputy
Battalion Chief, Battalion 249 at Binh Thuan, Vietnam
3. Name of Commander or Supervisor: Lieutenant Colonel
Phan Sang Nghi

C. Education

1. Vietnam/Degree: 2nd year for the Degree of Bachelor of Science
Saigon University.
2. Foreign Countries/Degree: None
3. Location and length of time: N/A

D. ARREST

1. Date and place of Arrest: May 2nd, 1975
at Camp 3, Phan Thiet Province, Vietnam
2. Name, location of prisons or reeducation camps: _____
Camp 3 Phan Thiet Province, Vietnam
3. Date of release: May 6th, 1982

E. Family Status

1. Married or single: Married
2. If married, Please complete names of Spouse and children: 1/ VO THI SON (WIFE)
2/ HUYNH THI MAI TRAM (DAUGHTER)
3/ HUYNH DAC THANG (SON)
4/ HUYNH DAC THANH (SON)
3. Address of family: (Mailing): No. 003 Lot F, Chung Cu An Quang, 10th District, Ho Chi Minh City, VIETNAM

F. Applicant

1. Name: NGUYEN TRUONG THI HUU HANH
2. Address and Phone number:
3. Occupation: Technician at Abbott Laboratories
4. Relationship with detainee: NIECE
5. Status in US: Refugee ☐ P. resident ☐ Citizen ☒
6. Are you willing to sponsor the above detainee
(if released)? Yes ☒ No ☐

G. Miscellaneous

If possible, please attach photo of detainee (alone, with relatives or friends) or any available documents and latest information.

Thuy-Hanh Thi Truong Nguyen
Signature of applicant

Note:

1. This information will be kept confidential.
2. Please complete this form as much as possible.
3. Applicant is not required to be a relative.
4. Please inform any change of address or information.

ASSOCIATION OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONER FAMILIES

VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS' DATA (OUT OF CAMP)

1. FULL NAME OF INFORMATION PROVIDER: NGUYEN TRUONG THI HUU HANH
2. NATURALIZATION CERT. / ALIEN #: A22-043-953
3. PRESENT ADDRESS: PHONE#:
4. RELATIONSHIP: NIECE OF DETAINEE
5. FULL NAME OF EX. POLITICAL PRISONER: HUYNH DAC HOA (Last, middle, first)
6. DATE AND PLACE OF BIRTH: (MO/DATE/YR) Jan. 10, 1941 at Phan Thiet, Vietnam
7. POSITION/RANK/MOS# (BEFORE 4/75) Captain, Deputy Battalion Chief of
Battalion 249
8. LAST POSITION/UNIT OF SERVICE: Captain, Deputy Battalion Chief
Battalion 249 at Binh Thuan Province
9. MONTH/DATE/YEAR ARRESTED: May 2nd, 1975
10. MO/DATE/YR OUT OF CAMP: May 6th, 1982
11. PRESENT MAILING ADDRESS OF EX. P/PRISONER IN VN: No. 003, Lot F, Chung Cu
An Quang, 10th District, Ho Chi Minh City, Vietnam
12. LIST FULL NAME/DOB & POB OF EX. P/PRISONER'S IMMEDIATE
FAMILY & MOTHER/FATHER:
- | | | |
|-----------------------|----------|-------------------|
| 1/ VO THI SON | 8/20/48 | WIFE |
| 2/ HUYNH THI MAI TRAM | 10/22/74 | DAUGHTER |
| 3/ HUYNH DAC THANG | 9/1/75 | SON |
| 4/ HUYNH DAC THANH | 3/7/88 | SON |
| 5/ HUYNH DAC TICH | | FATHER |
| 6/ VO THI LIEN | | MOTHER (Deceased) |
13. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY
RE-UNIFICATION? NO
IF YES:
a. ODP/BANGKOK IV # PENDING

b. DATE OF NOTICE APPROVAL FROM I-171 INS/FORM: N/A

COMMENT/RECOMMENDATIONS:

My uncle HUYNH DAC HOA was a Captain, Deputy Battalion Chief at Binh Thuan Province. He fought the Communists together with the American allies and got in jailed for 7 years for re-education. Please accept my petition to sponsor him and his wife, children to join me in the United States as soon as possible.

Thuy Hanh Thi Bui Nguyen

SIGNATURE OF INFO. PROVIDER

4/30/1990

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

IV NO. PENDING

I. TO BE COMPLETED BY RELATIVE/FRIEND IN U.S.

YOUR NAME: NGUYEN TRUONG THI HUU HANH

YOUR ALIEN STATUS IS: _____

DATE OF BIRTH: Sept.6th, 1953U.S. CITIZEN ☒ Number: 11877689PLACE OF BIRTH: Phan Thiet, VietnamPERMANENT RESIDENT ☐ A-

ADDRESS IN U.S.: _____

REFUGEE ☐ A-DATE OF ENTRY INTO U.S.: 09 / / 75
mo. / day / yearTELEPHONE: (HOME)
(WORK)FROM WHICH COUNTRY? VIETNAMVOLUNTARY AGENCY WHICH YOU ARE NOW IN CONTACT WITH: Lutheran Church

II. INFORMATION ON APPLICANTS IN VIETNAM

IMPORTANT: *The Principal Applicant (P.A.) is your closest relative to be considered for U.S. entry.NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.): HUYNH DAC HOA

MAILING:

ADDRESS IN VIETNAM: So 003 Lo F, Chung Cu An Quang, 10th Dist, Ho Chi Minh, VIETNAMHAVE YOU FILED IMMIGRANT VISA PETITIONS? No CATEGORY? N/ADATE AND PLACE OF FILING: N/ADOES P.A. HAVE VIETNAMESE EXIT PERMIT? YES NO ☒ NUMBER? N/AI AM THE: HUSBAND ☐, WIFE ☐, PARENT ☐, CHILD ☐, BROTHER ☐, SISTER ☐,☒ OTHER (specify): NIECE OF THE PRINCIPAL APPLICANT.

List below the persons to be considered for admission to the U.S. In the column MS (Marital Status) indicate married (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).

NAME IN VIETNAMESE ORDER	DATE OF BIRTH mo/da/yr	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATION TO P.A.	ADDRESS IN VIETNAM
1.*HUYNH DAC HOA	1/10/41	PhanThiet	M	M	Principal Applicant	To Dan Pho 5
2. VO THI SON	8/20/48	BinhThuan	F	M	WIFE	Phan Ri Cua Village
3. HUYNH THI MAI TRAM	10/22/74	Phan Ri Cua	F	S	DAUGHTER	Tuy Phong Dist.
4. HUYNH DAC THANG	9/1/75	Phan Ri Cua	M	S	SON	Thuan Hai, PhanThiet
5. HUYNH DAC THANH	3/7/88	HoChiMinh	M	S	SON	VIETNAM./.
6.	/ /					
7.	/ /					
8.	/ /					
9.	/ /					
10.	/ /					
11.	/ /					
12.	/ /					
13.	/ /					
14.	/ /					

III. FAMILY TREE

THE INFORMATION BELOW RELATES TO YOU, THE U.S.A. RELATIVE.

List all of your relatives requested below even if they are already listed on Page 1. Please include relatives who are already in the U.S.A. or other countries as well as those in Vietnam. We must establish your entire family. (If there is not enough room, continue on separate sheet.)

NAME	SEX	DATE OF BIRTH mo/day/yr	COUNTRY OF BIRTH	MARRIED? (circle one)	LIVING? or DEAD?	ADDRESS
A. Your husband/wife:						
NGUYEN THANH TU	☒ M	10/12/52	Vietnam	☒ Yes	☒ Living	Arlington, Texas
B. Your other husbands/wives:						
NONE	☐ M			☐ Yes		
	☐ F			☐ No		
C. Your children:						
NGUYEN THI HOAIHUONG	☒ F	3/21/77	USA	☒ Yes	☒ Living	Arlington, Texas
NGUYEN HOAI VINA	☒ F	10/22/80	USA	☒ Yes	☒ Living	Arlington, Texas
	☐ M			☐ Yes		
	☐ F			☐ No		
	☐ M			☐ Yes		
	☐ F			☐ No		
D. Your parents:						
TRUONG HUU NGOC	☒ M	Unknown	Vietnam	☒ Yes	☐ Dead	
HUYNH THI XUAN	☒ F	Unknown	Vietnam	☒ Yes	☒ Living	Phan Thiet, Vietnam
E. Your brothers/sisters:						
(1) TRUONG THI PHUOC	☒ M	1955	Vietnam	☒ Yes	☒ Living	Phan Thiet, Vietnam
(2) TRUONG THI HUU NGA	☒ M	Unk.	Vietnam	☒ Yes	☒ Living	Phan Thiet, Vietnam
(3) TRUONG HUU CHAU	☒ M	Unk.	Vietnam	☒ Yes	☒ Living	Phan Thiet, Vietnam
(4) TRUONG THI HUONG	☒ M	Unk.	Vietnam	☒ Yes	☒ Living	Phan Thiet, Vietnam
(5)	☐ M			☐ Yes		
(6)	☐ F			☐ Yes		

IV. (A) U.S. GOVERNMENT EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was a U.S. Government employee, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE: NONE

AGENCY: ☐ EMBASSY, ☐ USAID/USOM, ☐ CORDS, ☐ USIS, ☐ USARV/MACV/DAO, ☐ OTHER

SECTION/DIVISION/OFFICE: _____

LAST POSITION: _____ LAST GRADE: _____

DURATION OF EMPLOYMENT: FROM _____ TO _____ PLACE: _____

NAME OF LAST SUPERVISOR: _____ REASON FOR SEPARATION: _____

SECTION/DIVISION/OFFICE: _____

LAST POSITION: _____ LAST GRADE: _____

DURATION OF EMPLOYMENT: FROM _____ TO _____ PLACE: _____

NAME OF LAST SUPERVISOR: _____ REASON FOR SEPARATION: _____

IV. (B) U.S. GOVERNMENT TRAINING OR SCHOOLING IN VIETNAM

Was any training or schooling provided by the U.S. Government for the Principal Applicant or any accompanying relative? Yes ☐ No ☒

FOR: (NAME) NONE

DATE:	FROM	-	TO	SCHOOL	PLACE	DESCRIBE
-------	------	---	----	--------	-------	----------

V. PRIVATE EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for a U.S. company or organization, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE: NONE JOB TITLE: _____

COMPANY/ORGANIZATION: _____ SUPERVISOR'S NAME: _____

PLACE: _____ FROM: _____ TO: _____

JOB DESCRIPTION: _____

EMPLOYEE NO.: _____ BADGE NO.: _____ PAYROLL NO.: _____

REASON FOR SEPARATION: _____

NAME OF PREVIOUS COMPANY/ORGANIZATION: _____

PREVIOUS JOB TITLE: _____ SUPERVISOR'S NAME: _____

PLACE: _____ FROM: _____ TO: _____

JOB DESCRIPTION: _____

EMPLOYEE NO.: _____ BADGE NO.: _____ PAYROLL NO.: _____

REASON FOR SEPARATION: _____

VI. TRAINING OR SCHOOLING OUTSIDE VIETNAM

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was trained or educated outside Vietnam, please complete this section.

NAME OF STUDENT/TRAINEE: NONE NAME OF SCHOOL: _____

DESCRIPTION OF COURSES: _____

PLACE: _____ DEGREE/CERTIFICATE: _____

WHO PAID FOR THE TRAINING? _____

DURATION OF TRAINING: FROM _____ TO _____

NAME OF STUDENT/TRAINEE: NONE NAME OF SCHOOL: _____

DESCRIPTION OF COURSES: _____

PLACE: _____ DEGREE/CERTIFICATE: _____

WHO PAID FOR THE TRAINING? _____

DURATION OF TRAINING: FROM _____ TO _____

VII. VIETNAMESE GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for the Vietnamese Government or served in the Vietnamese military prior to 1975, please complete this section.

NAME OF PERSON: HUYNH DAC HOA MINISTRY OR MILITARY UNIT: Battalion 249
TITLE OR RANK: Captain PLACE: Binh Thuan Province, Vietnam
FROM: July 1st, 1974 to April 30, 1975 JOB DESCRIPTION: Deputy Battalion Chief
LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR MEDALS RECEIVED FROM THE U.S. GOVERNMENT:

DID YOUR RELATIVES WORK CLOSELY WITH AMERICANS? YES ☐ NO ☒ IF YES, PLEASE DESCRIBE:

NAMES/RANKS OF ANY AMERICAN ADVISORS:

VIII. RE-EDUCATION

DID THE PRINCIPAL APPLICANT OR ANY ACCOMPANYING RELATIVE SPEND TIME IN REEDUCATION? YES ☒ NO ☐

NAME: HUYNH DAC HOA DURATION: FROM May 2, 1975 TO May 6, 1982
NAME: DURATION: FROM TO

IX. REMARKS

Are there any special considerations or comments that would affect your relatives' eligibility?

My uncle HUYNH DAC HOA was a Vietnamese Captain. He worked together with American Army. After Communist took over Southern Vietnam, they put him in jail for re-education 7 years and 4 days. I am his closest relative in the USA. Please let him re-unite with my family. We will resettle him without any difficulties

IF MORE SPACE IS NECESSARY FOR YOU TO ADD MORE COMPLETE INFORMATION ABOUT ANY OF THE ITEMS REQUESTED ON THIS AFFIDAVIT, PLEASE WRITE THAT INFORMATION ON A SEPARATE SHEET TO BE ATTACHED TO THE AFFIDAVIT. THIS WILL BE NECESSARY IF MORE THAN ONE FAMILY MEMBER WORKED FOR THE U.S. GOVERNMENT, A U.S. COMPANY, OR THE VIETNAMESE GOVERNMENT.

X. NOTARIZATION

I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Huynh Thi Thung Nguyen
(Signature of Applicant)

Subscribed and sworn to me
this 30th day of April, 1990

Notary Public
(Signature of Notary)

My commission expires: 12/10/1992

SEAL OF NOTARY

NOTE: If you are a refugee or Permanent Resident Alien, please attach a copy of your I-94 (refugee) or I-151/I-551 (Permanent Resident Alien) green card to the completed affidavit. Do not photocopy your Naturalization Certificate.

From: Nguyen Truong T. Luu Anh



Mrs. Khuc Minh Tho
Director
Families of Vietnamese
Political Prisoners Association
P.O. Box 5435,
Arlington, VA. 22205-0635

MAY 07 1990

C O N T R O L

_____ Card
_____ Doc. Request; Form
_____ Release Order
_____ Computer
_____ Form "D"
_____ ODP/Date
_____ Membership; Letter

5/1/90